

Ngị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định về hỗ trợ lãi suất đối với các dự án đầu tư được Công ty Đầu tư Tài chính nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh cho vay thuộc lĩnh vực ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Đối tượng áp dụng

- Các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế trong nước (100% vốn trong nước) được thành lập và hoạt động theo luật quy định.
- Dự án đầu tư sản xuất các sản phẩm thuộc 04 ngành công nghiệp trọng yếu và lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ quy định tại Phụ lục 2 Quy định về hỗ trợ lãi suất.

2. Điều kiện hỗ trợ

- Dự án phải phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố Hồ Chí Minh
- Được HFIC thẩm định tính hiệu quả, khả năng trả nợ vay của chủ đầu tư và chấp thuận cho vay hoặc cho vay hợp vốn do HFIC làm đầu mối.
- Chủ đầu tư chưa ký hợp đồng với các nhà thầu, nhà cung cấp đối với các hạng mục (xây lắp, thiết bị, công nghệ) được đề xuất hỗ trợ.

3. Lĩnh vực hỗ trợ

Bốn ngành công nghiệp trọng yếu và lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ: Ngành cơ khí tự động hóa; Ngành cao su - nhựa và hóa chất; Ngành chế biến thực phẩm; Ngành Điện tử và Công nghệ thông tin; Ngành Dệt May; Ngành Da Giày. *(chi tiết theo Phụ lục 2 Quy định về hỗ trợ lãi suất)*

4. Nguyên tắc xác định mức lãi suất

- Mức lãi suất được hỗ trợ tối đa không vượt quá mức lãi suất huy động tiết kiệm bằng tiền đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng của 4 ngân hàng thương mại trên địa bàn Thành phố cộng thêm phí quản lý 2% một năm.
- Trường hợp lãi suất cho vay của HFIC thấp hơn mức lãi suất được quy định nêu trên thì áp dụng mức lãi suất hỗ trợ theo lãi suất cho vay của HFIC.
- Trường hợp lãi suất cho vay của HFIC cao hơn mức lãi suất được quy định nêu trên thì áp dụng mức lãi suất hỗ trợ theo quy định. Nêu trên thì áp dụng mức lãi suất hỗ trợ theo quy định. Chủ đầu tư có trách nhiệm tự cân đối phần chênh lệch lãi suất không được hỗ trợ.
- Chủ đầu tư phải trả vốn gốc theo phân kỳ đã quy định của hợp đồng tín dụng. Ngân sách Thành phố không hỗ trợ lãi suất cho dự án vay vốn trả gốc một lần khi đến hạn. Trường hợp khoản vay được cơ cấu lại thời gian trả nợ mà làm phát sinh tăng lãi vay so với hợp đồng ban đầu thì ngân sách Thành phố chỉ hỗ trợ theo mức hỗ trợ đã xác định trong hợp đồng ban đầu.

5. Hạn mức vốn vay

- Mức vốn vay tối đa của dự án được ngân sách hỗ trợ lãi suất là 200 tỷ đồng/dự án, không bao gồm thuế giá trị gia tăng được khấu trừ.

- Tỷ lệ hạn mức vốn vay:

+ Dự án vừa đầu tư xây dựng công trình vừa đầu tư công nghệ và thiết bị thì phần vốn đầu tư xây dựng công trình được hỗ trợ tối đa 70%, phần vốn đầu tư công nghệ và thiết bị được hỗ trợ tối đa 85%.

+ Dự án chỉ đầu tư công nghệ và thiết bị được hỗ trợ tối đa 85%.

- Thời gian hỗ trợ lãi suất vốn vay với các dự án: không quá 07 năm tính từ ngày dự án được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt hỗ trợ và sau khi giải ngân vốn vay lần đầu tại HFIC.

6. Phương thức hỗ trợ lãi suất

- Sau khi có quyết định phê duyệt dự án của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ đầu tư ký hợp đồng với HFIC và nhà cung cấp triển khai dự án. Chủ đầu tư trả nợ gốc và lãi vay cho HFIC theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký..

- Sau khi có quyết định phân khai chi tiết kế hoạch vốn của Ủy ban nhân dân Thành phố, Kho bạc nhà nước Thành phố giải ngân kinh phí hỗ trợ lãi suất cho Chủ đầu tư.

7. Cơ quan tiếp nhận và giải quyết hồ sơ

Sở Công Thương là cơ quan đầu mối (đối với các dự án thuộc 04 ngành công nghiệp trọng yếu và lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ quy định tại Phụ lục 2 Quy định về hỗ trợ lãi suất) tiếp nhận hồ sơ và tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt dự án theo quy định.

8. Quy trình xử lý hồ sơ tại Sở Công Thương

- Doanh nghiệp nộp hồ sơ tại bộ phận văn thư đến của Sở Công Thương, sau đó sẽ do phòng Quản lý công nghiệp tiếp nhận, xử lý và phối hợp với Tổ công tác liên ngành 02 -NQ 09 xem xét đề nghị của Doanh nghiệp. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ của Doanh nghiệp, Sở Công Thương sẽ có văn bản thông báo kết quả xử lý hồ sơ.

- Thành phần hồ sơ đăng ký tham gia chương trình gồm:

+ Văn bản đăng ký tham gia chính sách hỗ trợ lãi suất;

+ Văn bản của Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh (HFIC) thẩm định về hiệu quả dự án, khả năng trả nợ của Chủ đầu tư, xác nhận khoản vay và chấp thuận cho vay;

+ Dự án đầu tư của Chủ đầu tư đăng ký tham gia chương trình đảm bảo các nội dung cơ bản theo quy định của pháp luật; *(đính kèm nội dung cần có của 1 dự án đầu*

tư - phụ lục 01)

+ Các hồ sơ, văn bản khác liên quan:

- Đăng ký kinh doanh của Chủ đầu tư;
- Hợp đồng thuê đất KCN (Đối với các dự án đầu tư trong KCX, KCN) hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất/Hợp đồng thuê đất (Đối với các dự án đầu tư ngoài KCX, KCN);
- Chứng nhận đầu tư vào KCX, KCN (Đối với các dự án đầu tư trong KCX, KCN) hoặc Văn bản địa phương liên quan đến quy hoạch và địa điểm xây dựng (Đối với các dự án đầu tư ngoài KCX, KCN);
- Giấy phép xây dựng; - Thiết kế và bản khái toán đầu tư xây dựng (nếu có hạng mục xây dựng);
- Chứng thư thẩm định tài sản thế chấp;
- Văn bản về bảo vệ môi trường;
- Văn bản về phòng cháy và chữa cháy;
- Chứng thư thẩm định tài sản thế chấp;
- Báo cáo tài chính 3 năm gần nhất;
- 03 Báo giá máy móc, thiết bị của dự án (nếu tiếng Anh phải dịch ra tiếng Việt đóng dấu treo công ty).

9. Một số vấn đề cần lưu ý

- Phải được HFIC thẩm định tính hiệu quả của dự án, khả năng trả nợ vay của Chủ đầu tư và chấp thuận cho vay.

- Dự án phải được thực hiện đầu tư trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Chủ đầu tư chưa triển khai thực hiện dự án, chưa ký hợp đồng tín dụng với HFIC, chưa ký hợp đồng với nhà thầu, nhà cung cấp đối với các hạng mục (xây lắp, thiết bị, công nghệ).

- Phần chênh lệch giữa mức lãi suất cho vay thực tế của HFIC và lãi suất được hỗ trợ theo Chính sách hỗ trợ lãi suất do Chủ đầu tư tự cân đối.

10. Trách nhiệm của Chủ đầu tư

- Triển khai thực hiện dự án đúng nội dung sau khi đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt, chịu trách nhiệm về tiến độ, chất lượng công trình, dự án đã lập theo quy định pháp luật, sử dụng kinh phí hỗ trợ đúng mục đích, trả nợ gốc và lãi vay theo quy định của hợp đồng tín dụng.

- Định kỳ báo cáo cơ quan đầu mối về tiến độ và tình hình thực hiện dự án, kịp thời báo cáo các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai dự án liên quan đến nội dung đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt để kịp thời xử lý theo quy định.

NỘI DUNG CẦN CÓ CỦA 1 DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(để hướng dẫn doanh nghiệp lập dự án theo chính sách hỗ trợ lãi suất)

Căn cứ pháp lý: Nghị Quyết số 09/2023/NQ-HĐND, ngày 09/9/2023 của HĐNDTP)

I. Giới thiệu tổng quan

1. Thông tin về chủ đầu tư của dự án

- Tên doanh nghiệp
- Giấy chứng nhận ĐKKD hoặc đầu tư
- Địa chỉ trụ sở.
- Điện thoại, fax.
- Mã số thuế.
- Người đại diện pháp luật, chức vụ.
- Lĩnh vực, ngành nghề hoạt động sản xuất - kinh doanh.
- Quá trình hình thành, phát triển, năng lực – kinh nghiệm.
- Kết quả hoạt động SXKD và nghĩa vụ thuế đối với nhà nước (3 năm gần đây).

2. Thông tin về dự án đầu tư

- Tên dự án.
- Thời gian và địa điểm đầu tư.
- Quy mô đầu tư.
- Tổng mức đầu tư của dự án.
 - + Vốn chủ sở hữu
 - + Vốn vay tín dụng
 - + Vốn từ các nguồn khác
- Sản phẩm hình thành từ dự án đầu tư, đính kèm hình ảnh của sản phẩm.

II. Nội dung của dự án đầu tư (Điều 52, 54 – Luật Xây dựng)

1. Sự cần thiết phải đầu tư dự án

- Xác định mục tiêu đầu tư dự án.
- Đánh giá cơ hội và thách thức về nhu cầu/xu hướng tiêu dùng/triển vọng phát triển của thị trường đối với lĩnh vực, ngành nghề của dự án đầu tư.
- Đánh giá những điểm thuận lợi, điểm hạn chế của đơn vị khi đầu tư dự án (con người, công nghệ - trang thiết bị, nguồn cung nguyên vật liệu, về tài chính,...)
- Sự phù hợp khi đầu tư (quy hoạch ngành nghề, địa điểm, KT-XH).
- Ý nghĩa của việc đầu tư đối với doanh nghiệp và xã hội.
- Quyết tâm của doanh nghiệp khi đầu tư dự án.

2. Nội dung đầu tư của dự án

2.1 Xây dựng nhà xưởng, hạ tầng kỹ thuật

- Thông tin quy hoạch khu đất dự kiến đầu tư (mật độ xây dựng, tầng cao, hệ số sử dụng đất,...).
- Liệt kê các hạng mục xây dựng chủ yếu (nhà xưởng, văn phòng, giao thông,...).
- Bản vẽ thiết kế cơ sở (mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt, tổng thể).
- Thuyết minh các giải pháp về kiến trúc, xây dựng, kết nối hạ tầng kỹ thuật (điện-nước, thông tin liên lạc, xử lý chất thải, nước thải, PCCC)
- Các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được áp dụng.
- Dự toán chi phí đầu tư xây dựng công trình.

2.2 Công nghệ và trang thiết bị

2.1.1 Công nghệ và trang thiết bị trực tiếp phục vụ sản xuất

a/. Liệt kê danh mục đầu tư máy móc thiết bị (đính kèm hình ảnh của máy móc thiết bị kiến mua)

b/. Dự toán chi phí máy móc thiết bị - công nghệ (gồm cả chi phí bản quyền chuyển giao công nghệ).

c/. Giới thiệu về công nghệ của dự án

- + Bố trí các phân khu sản xuất trong nhà xưởng.
- + Sơ đồ công nghệ/Quy trình sản xuất của từng phân khu.
- + Thuyết minh sơ đồ/quy trình.
- + Danh mục và mô tả đặc tính kỹ thuật, các tính năng vượt trội của các trang thiết bị, công nghệ dự kiến đầu tư.
- + Các hình ảnh/catalogue về thiết bị, báo giá từ nhà cung cấp (nếu có).
- Tính hiệu quả khi đầu tư công nghệ, trang thiết bị mới
 - + Tiết giảm hao phí (nguyên vật liệu, nhân công, năng lượng,...).
 - + Tăng năng suất, chất lượng.
 - + Đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật khác,...
- Sản phẩm hình thành từ dự án
 - + Mô tả chủng loại, đặc tính kỹ thuật.
 - + Các tính năng ưu việt (chất lượng, số lượng, giá thành)

2.2.2 Công nghệ và trang thiết bị phục vụ công tác quản lý, điều hành

- Nhu cầu nguồn nhân lực
 - + Lao động quản lý, điều hành
 - + Lao động phổ thông, lao động kỹ thuật, chuyên gia.

- Quy trình, sơ đồ tổ chức, quản lý
 - + Sơ đồ bố trí các bộ phận, phòng ban quản lý.
 - + Thuyết minh sơ đồ.
 - + Danh mục và mô tả đặc tính kỹ thuật của các trang thiết bị, công nghệ dự kiến đầu tư.
 - + Các hình ảnh/catalogue về thiết bị, báo giá từ nhà cung cấp (nếu có).
 - + Dự toán chi phí trang thiết bị - công nghệ (gồm cả phí bản quyền).

2.3 Đánh giá tác động của dự án đối với môi trường, phòng chống cháy nổ

- Đánh giá tác động của dự án đối với môi trường, phòng chống cháy nổ.
- Các giải pháp xử lý chất thải, nước thải, tiếng ồn, PCCC, bảo vệ cảnh quan, môi trường sinh thái,...

2.4 Tiến độ đầu tư của dự án

- Dự kiến thời gian khởi công – hoàn thành phần xây dựng
- Thời gian đặt hàng nhà cung cấp thiết bị
- Thời gian lắp đặt thiết bị - vận hành thử
- Thời gian vận hành chính thức và sản xuất ra sản phẩm

2.5 Phân tích hiệu quả về tài chính của dự án

2.5.1 Tổng vốn đầu tư, gồm:

- Phần xây dựng
- Phần trang thiết bị - công nghệ
- Phần vốn lưu động

Lưu ý: kèm theo dự toán chi tiết và ghi rõ nguồn vốn cho từng giai đoạn, nếu có, phần kỳ đầu tư

2.5.2 Nguồn vốn đầu tư

- Vốn chủ sở hữu (ghi rõ mục đích sử dụng để làm gì trong dự án)
- Vốn vay (ghi rõ vay trung dài hạn để đầu tư, hay ngắn hạn để làm vốn lưu động, văn bản của ngân hàng để chứng minh, thời gian vay, lãi vay)
- Vốn khác

2.5.3 Phân tích rủi ro và tính hiệu quả tài chính

- Tính toán các chỉ số tài chính (suất thu lợi nội tại, điểm hoàn vốn,...)
- Các phương án tài chính khi có các biến động (lãi suất, sản lượng, doanh thu, lợi nhuận,...).
- Chứng minh khả năng cân đối tài chính để thực hiện dự án.

III. Kết luận và kiến nghị

- Ý kiến kết luận của doanh nghiệp khi đầu tư dự án.

- Các đề xuất, kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố hỗ trợ doanh nghiệp theo chính sách hỗ trợ lãi suất.
- Ký tên và đóng dấu./.